



BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

I. Về việc gửi và nhận ý kiến góp ý của các đơn vị

Ngày 15/5/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 1354/BKHCN-TĐC gửi lấy ý kiến các Bộ ngành, địa phương, VCCI, các Hiệp hội, Hội với thời hạn góp ý là trước ngày 05/6/2023 đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và ngày 19/6/2023 đã có Công văn số 1887/BKHCN-TĐC đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương có ý kiến góp ý, thời hạn là trước ngày 30/6/2023. Đồng thời, đã tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp tại 02 Hội thảo (tổ chức tại Tp.Hồ Chí Minh ngày 22/6/2023 và ngày 12/7/2023 tại Hà Nội).

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ:

- Đã nhận được góp ý của **27** các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Chưa nhận được góp ý của **04** cơ quan (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Văn phòng Chính phủ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam).

2. Hiệp hội, hội:

- Đã nhận được góp ý của **05** Hiệp hội, hội (Hội bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam; Hiệp hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam; Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Hội Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam; Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam).

- Chưa nhận được góp ý của **03** hiệp hội (Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam; Hiệp hội Dệt may Việt Nam; Hiệp hội da giày, túi xách Việt Nam).

3. Đã nhận được ý kiến góp ý của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

4. Các tỉnh, thành phố:

- Đã nhận được góp ý của **57/63** các tỉnh, thành.

- Chưa nhận được góp ý của **06/63** tỉnh, thành phố (Sơn La, Hà Nội, Quảng Nam, Bình Phước, Tây Ninh, Bến Tre).

II. Tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, VCCI, các Hiệp hội, Hội:

(Nội dung tiếp thu ý kiến góp ý được nêu tại Phụ lục kèm theo).

PHỤ LỤC

Chi tiết ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật CLSPHH



STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
I	Nhất trí hoàn toàn với hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật CLSPHH			
1.	Ủy ban dân tộc, BHXH Việt Nam, Bộ LĐTBXH, Đài tiếng nói VN, Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thông tấn xã VN, Đài Truyền hình Việt Nam, Gia Lai, Đắk Nông, Bình Thuận, Bắc Giang, Cao Bằng, Hòa Bình, Lai Châu, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Hậu Giang, Vĩnh Phúc, Tiền Giang, Hà Giang, Lào Cai (35 cơ quan)		Nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật CLSPHH.	Nhất trí
II	Dự thảo Tờ trình			
1.	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp		Nhất trí	Nhất trí
2.	Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam		Nhất trí	Nhất trí

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
3.	Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ		Nhất trí	Nhất trí
4.	Phú Yên	Góp ý chung	Đề nghị điều chỉnh: Tờ trình Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH: cho phù hợp với điều chỉnh của dự kiến Đề cương chi tiết dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Tiếp thu
5.	Bộ Công Thương	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH	Đề nghị rà soát một số nội dung đánh giá và làm rõ nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc trong thực thi Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. Trong đó cần xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan và quy định chưa phù hợp thực tế bổ sung vào Tờ trình để có cơ sở sửa đổi, bổ sung luật. Ví dụ: việc chồng chéo quản lý giữa các Bộ quản lý chuyên ngành là do quy định phân công quản lý tại các Luật chuyên ngành khác nhau. Vì vậy, giải pháp giải quyết thực trạng này là phải sửa đổi đồng bộ quy định tại các Luật có liên quan. Bên cạnh đó, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có quy định về ban hành quy chuẩn kỹ thuật liên ngành để giải quyết những chồng chéo khi có sự giao thoa giữa 02 Bộ trở lên. Tuy nhiên, thực tế hơn 15 năm thực thi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật chưa có QCVN liên ngành nào được ban hành. Điều	Nghiên cứu tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>này chứng tỏ quy định là không khả thi trên thực tế và cần được rà soát, sửa đổi.</p>	
6.	Hà Tĩnh	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH	<p>- Tại mục 1 phần I, những vướng mắc, bất cập của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cần đưa ra những số liệu cụ thể, ví dụ điển hình để làm rõ hơn những luận điểm đưa ra.</p> <p>- Tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm b mục 1.1, cần bổ sung như sau: “Việc triển khai thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất và lưu thông trên thị trường còn có những khó khăn như...”.</p> <p>- Tại điểm b tiểu mục 1.1, cần nghiên cứu sửa đổi theo hướng tập trung vào một số cơ quan đầu mối ở Trung ương và địa phương có chức năng kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vì theo quy định hiện nay việc phân công quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa chia cho hầu hết các Bộ, ngành và cơ quan chuyên môn ở địa phương, tuy nhiên thực tế hiện nay các cơ quan chuyên môn ở địa phương rất ít cơ quan có đơn vị, phòng hoặc có công chức phụ trách lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dẫn đến có nhiều nhóm sản phẩm, hàng hóa còn buông lỏng trong quản lý và kiểm tra.</p> <p>- Đề nghị đánh lại số thứ tự “1.3. Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch” ở trang 4 thành 1.2 và tại tiêu đề tiểu mục 1.2 mục</p>	Nghiên cứu tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>1 phần I, cần bổ sung như sau: “Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc” nhằm phân tích sự cần thiết và nhu cầu tất yếu trong việc áp dụng truy xuất nguồn gốc trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa từ đó bổ sung nội dung này vào trong Luật là rất cần thiết.</p> <p>- Tại mục 1.4, để xây dựng lực lượng kiểm soát viên chất lượng chính quy, chuyên nghiệp, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác kiểm tra cần quy định rõ những cơ quan, đơn vị nào ở Trung ương và địa phương được thành lập lực lượng kiểm soát viên chất lượng, số lượng kiểm soát viên chất lượng ở mỗi cơ quan, đơn vị phải bảo đảm như thế nào và xem xét người làm công tác kiểm tra an toàn thực phẩm có được gọi là lực lượng kiểm soát viên chất lượng không.</p> <p>- Tại điểm a mục 1.7, theo quy định hiện nay, một doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia phải xây dựng nhiều thành phần hồ sơ, đạt nhiều tiêu chí khắt khe, qua 02 công đoạn đánh giá, thời gian đánh giá lâu, tính lan tỏa của giải thưởng và quyền lợi khi đạt giải chưa được cao, dẫn đến các doanh nghiệp chưa thực sự mặn mà trong việc tham gia. Vì vậy để nâng cao giá trị, tạo tính lan tỏa và sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, đề nghị</p>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>ban soạn thảo nghiên cứu quy định thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục đơn giản hơn trong việc đánh giá và quy định quyền lợi của các doanh nghiệp khi tham gia và đạt giải. Trên cơ sở những ý kiến góp ý tại tờ trình đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp những nội dung tương ứng tại báo cáo đánh giá tác động chính sách, báo cáo tổng kết thi hành Luật, đề cương dự thảo Luật.</p>	
7.	Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (trang 2-4)	<p>Trong mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật CLSPHH cần nêu dẫn chứng cụ thể về các bất cập vướng mắc trong việc xác định, ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 và phân tích rõ đây là vướng mắc bởi quy định của Luật hay là vướng mắc trong thực thi của các bộ, ngành. Đối với bất cập của công tác kiểm tra CLSPHH cần nêu rõ là thiếu các quy định của Luật về kiểm soát từ sớm, từ xa CLSPHH dẫn đến các hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu đều phải chờ kết quả đánh giá sự phù hợp đạt chất lượng mới được đưa vào nhập khẩu và đưa ra lưu thông. Mặc dù đã cải tiến đối với khoảng 90% loại hàng hóa nhóm 2 chuyển sang cho thông quan trước, kiểm tra sau nhưng nguy cơ sau thông quan thì hàng hóa không đạt chất lượng đã đưa ra lưu thông và gây hậu quả cho xã hội và</p>	<p>Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định là đối với các hàng hóa áp dụng biện pháp kiểm tra sau thông quan thì sau 15 ngày phải nộp chứng chỉ chất lượng cho cơ quan kiểm tra. Đồng thời, Thông tư số 06/2020/TT-BKHHCN đã quy định việc xử lý đối với hàng hóa không đáp ứng quy định. Bên cạnh đó, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP đã quy định về việc sử dụng kết quả đánh giá tại nguồn và giao trách nhiệm khảo sát chất lượng cho Sở KH&CN địa phương. Việc đánh giá tại nguồn và công tác khảo sát là một trong các biện pháp để quản lý chất lượng từ sớm, từ xa</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			người tiêu dùng.	
8.	Kiên Giang	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (khoản 1.3 trang 5)	<p>Tại đoạn đầu, mục 1.3, trang 5, đề nghị viết lại cho phù hợp:</p> <p>Việc quy định quản lý nhà nước về MSMV đã được quy định từ hơn 20 năm trước theo Quyết định số 45/2002/QĐ-TTg quy định nội dung quản lý nhà nước về MSMV và cơ quan quản lý nhà nước về MSMV. Để triển khai thực hiện, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN và Thông tư số 16/2011/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định về việc cấp, sử dụng và quản lý MSMV” ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHCN”.</p>	Tiếp thu
9.	Kiên Giang	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (khoản 1.3 trang 6)	<p>Tại đoạn 2, trang 6, đề nghị viết lại như sau:</p> <p>“Từ những lý do trên, ngày 15/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật CLSPHH, trong đó đã bổ sung quy định về quản lý MSMV; ngày 21/1/2022, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 13/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP</p>	Tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật CLSPHH và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường, trong đó đã bổ sung quy định quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá”.	
10.	Bắc Giang, Hải Dương, Ninh Bình (03 cơ quan)	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (khoản 1.3)	<p>Đề nghị bổ sung thêm Thông tư số 10/2020/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP của Chính phủ về sử dụng mã số, mã vạch.</p> <p>Lý do: Thông tư số 10/2020/TT-BKHHCN đã được ban hành và thay thế 02 văn bản (Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHHCN và Thông tư số 16/2011/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2006/QĐ-BKHHCN) đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đề cập tại nội dung này.</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa thứ tự mục “1.3. Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch” thành “1.2. Nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch” cho phù hợp vì trong dự thảo Tờ trình có 2 mục 1.3 và không có mục 1.2.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
11.	Bộ Tài chính	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (trang 6) về ĐGSPH	<p>Tại khoản 5 Điều 3 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định đánh giá sự phù hợp bao gồm “<i>thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định</i>”, không bao gồm hoạt động kiểm định. Trong khi đó, tại Điều 3 và Điều 25 Luật CLSPHH quy định về tổ chức đánh giá sự phù hợp và hoạt động đánh giá sự phù hợp thì bao gồm hoạt động kiểm định; tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp có quy định về hoạt động kiểm định. Như vậy, khái niệm đánh giá sự phù hợp chưa thống nhất giữa các văn bản nêu trên; do đó, cần rà soát để quy định thống nhất hoạt động này tại các văn bản.</p>	Bộ KH&CN tiếp thu trong quá trình xây dựng Luật TCQCKT để thống nhất với pháp luật về chất lượng SPHH
12.	Kiên Giang	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (trang 11) về GTCLQG	<p>Tại đoạn 2, trang 11, đề nghị viết lại như sau: “... <i>Đặc biệt, trong đó phải kể đến các hạn chế về: Hoạt động truyền thông chưa được đẩy mạnh; những chia sẻ kinh nghiệm, giá trị từ doanh nghiệp đã đạt giải cho cộng đồng doanh nghiệp, người tiêu dùng còn chưa cao; các chính sách hỗ trợ mang tính cụ thể, thiết thực đối với doanh nghiệp tham gia và sau khi đạt giải còn nhiều....</i>”.</p>	Tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
13.	Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam	Mục 1 về những bất cập, vướng mắc của Luật Chất lượng SPHH (trang 11) về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước	Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước cho 8 bộ ngành trong xuất nhập khẩu, lưu thông, nhưng lại không phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về CL SP trong sản xuất. Việc quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng trong sản xuất lại được quy định bằng Nghị định 132/2008/NĐ-CP và Nghị định 74/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung nghị định 132/2008/NĐ-CP...	Tiếp thu
14.	Bộ Tư pháp	Tại khoản 1 mục III về phạm vi điều chỉnh (trang 16)	Dự thảo Tờ trình nêu phạm vi điều chỉnh có bổ sung so với quy định hiện hành, tuy nhiên, nội dung đề xuất tại phạm vi sửa đổi phần lớn là quy định cụ thể hơn các quy định hiện hành và có bổ sung một số nội dung về NQI, quản lý chất lượng hàng hóa thông qua MSMV, đẩy mạnh chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong hoạt động kiểm tra chất lượng SPHH đối với hàng hóa nhập khẩu, hậu kiểm đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung chính sách để xác định đúng phạm vi điều chỉnh của luật.	Theo Bộ KH&CN, việc sửa đổi các chính sách hiện hành theo các biện pháp quản lý mới cũng cần phải được đánh giá cụ thể. Đồng thời, đề cương dự thảo luật sửa đổi, bổ sung không chỉnh sửa về phạm vi điều chỉnh của luật
15.	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước của doanh nghiệp	Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Theo mục III.1 trang 19 Tờ trình đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung áp dụng tại Điều 2 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa: " <i>Luật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i> ". Tuy nhiên, phạm vi điều	Đề nghị bảo lưu vì đề cương dự thảo luật sửa đổi, bổ sung không chỉnh sửa về phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng của luật. Tuy nhiên, sẽ rà soát nội dung này

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>chính dự án Luật không chỉ quy định điều kiện đối với tổ chức, cá nhân mà còn quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xác định đối tượng điều chỉnh cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh.</p>	
16.	Bộ Tư pháp	<p>Tại khoản 1 mục III về đối tượng áp dụng (trang 19)</p>	<p>Theo trang 19 Tờ trình, đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng tại Điều 2 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. Theo đó "<i>Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên</i>". Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh dự án Luật không chỉ quy định điều kiện đối với tổ chức, cá nhân mà còn quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh SPHH và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng SPHH; quản lý chất lượng SPHH. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xác định đối tượng điều chỉnh cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh.</p>	<p>Đề nghị bảo lưu vì đề cương dự thảo luật sửa đổi, bổ sung không chỉnh sửa về đối tượng áp dụng của luật. Tuy nhiên, sẽ rà soát nội dung này</p>
17.	Bộ Tư pháp	<p>Tại Mục IV</p>	<p>Đối với mỗi giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn cần nêu rõ lý do lựa chọn giải pháp tại Mục IV dự thảo Tờ trình. Vì vậy, đề nghị cơ quan lập đề nghị hoàn thiện</p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			lại dự thảo Tờ trình theo các nội dung tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
18.	Bộ Tư pháp	Về các chính sách trong Mục IV	Đề nghị xây dựng Luật đề xuất 7 chính sách. Về cơ bản, các chính sách đã được đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/ND-CP). Tuy nhiên, một số nội dung sửa đổi được xác định là chính sách nhưng chỉ là giải pháp thực hiện chính sách hiện hành hoặc tên gọi và nội dung chính sách chưa phù hợp, ví dụ như: Chính sách 1: sửa đổi, bổ sung quy định về xác định sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chuyên ngành; Chính sách 2: sửa đổi, bổ sung nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch; Chính sách 3: sửa đổi, bổ sung về hoạt động đánh giá sự phù hợp... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xác định chính sách mới cần sửa đổi, bổ sung tại dự án Luật để đề xuất cho phù hợp.	Theo Bộ KH&CN, việc sửa đổi các chính sách hiện hành theo các biện pháp quản lý mới cũng cần phải được đánh giá cụ thể
19.	Bộ Tư pháp	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1)	Tại trang 19 Tờ trình, đưa ra nội dung chính sách “sửa đổi theo hướng mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa là các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung	Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>ương và địa phương theo tình hình thực tiễn". Tuy nhiên, giải pháp thực hiện chưa rõ là sẽ mở rộng như thế nào, có làm tăng trách nhiệm cho các cơ quan hiện nay hay tăng tổ chức biên chế để thực hiện hay không. Do nội dung chính sách, giải pháp thực hiện chính sách chưa cụ thể nên tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách chưa đánh giá toàn diện được tác động tích cực, tiêu cực đối với nhà nước (tổ chức, bộ máy, con người, ngân sách cho việc thực hiện nhiệm vụ).</p>	<p>tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Bộ KH&CN tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng kiến nghị nêu trên</p>
20.	Bộ Tài chính	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1)	<p>Tại khoản 16 Điều 3 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định cơ quan kiểm tra chất lượng là cơ quan nhà nước (cơ quan được phân công, phân cấp thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). Tuy nhiên, hiện nay, một số Bộ, ngành ủy quyền cho các Tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện đánh giá sự phù hợp và kiểm tra nhà nước về chất lượng (cấp Thông báo kết quả kiểm tra) như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với mặt hàng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu.</p> <p>Thực tế triển khai nêu trên tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhưng không phù hợp với Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và</p>	<p>Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Bộ KH&CN tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng kiến nghị nêu trên</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>gây bất cập vì kiểm tra nhà nước về chất lượng là một thủ tục hành chính, việc thực hiện phải phù hợp với quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính; không có cơ sở pháp lý cho việc ủy quyền; không rõ cơ chế giải quyết trong trường hợp người nhập khẩu không đồng ý với kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức được Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định; phát sinh trường hợp tổ chức được ủy quyền vừa đánh giá sự phù hợp, vừa thực hiện kiểm tra chuyên ngành và cấp 02 loại giấy (kết quả đánh giá sự phù hợp và Thông báo kết quả kiểm tra) cho cùng một lô hàng.</p> <p>Để thống nhất thực hiện, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét việc sửa đổi quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo hướng cho phép các tổ chức đánh giá sự phù hợp được tham gia vào hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng trong vai trò xã hội hóa một số hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước hoặc quy định hàng hóa chỉ cần đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra chất lượng chỉ thực hiện khi cần thiết (khi có cảnh báo về chất lượng của hàng hóa, đối với hàng hóa có độ rủi ro cao hoặc đối với lô hàng của doanh nghiệp không chấp hành tốt pháp luật về chất lượng hàng hóa).</p>	
21.	Bộ Công Thương	Về các chính sách trong Mục	- Xác định sản phẩm, hàng hóa nhóm 2: Việc sửa đổi quy định xác định sản phẩm,	- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có quy định các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
		IV (Chính sách 1)	<p>hàng hóa nhóm 2 có khả năng gây mất an toàn là cần thiết để đáp ứng thực tế quản lý hiện nay. Tuy nhiên, cần làm rõ tiêu chí xác định một cách cụ thể để giải quyết chông chéo, vướng mắc như: các sản phẩm đặc thù quy định tại các Luật chuyên ngành. Ví dụ: thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm; máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo Luật An toàn vệ sinh lao động có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa có thể xác định là hàng hóa nhóm 2 không? Bên cạnh đó, việc đưa các loại hàng hóa này vào Danh mục hàng hóa nhóm 2 đang gây ra những vướng mắc liên quan đến áp dụng các biện pháp quản lý của hàng hóa nhóm 2 (chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kiểm tra nhà nước...) tại Luật Chất lượng SPHH, không phù hợp với biện pháp quản lý quy định tại Luật chuyên ngành (kiểm định kỹ thuật an toàn tại Luật An toàn vệ sinh lao động, công bố sản phẩm tại Luật ATTP).</p> <p>Các quy định không thống nhất, đồng bộ dẫn đến thực tế triển khai không khả thi, gây vướng mắc cho cả cơ quan kiểm tra lẫn doanh nghiệp. Thực tế, các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt thường là sản phẩm đồng bộ, không thể thực hiện biện pháp quản lý về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy trong thời gian quy định (sau 15</p>	<p>nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động là sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đồng thời, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cũng quy định an toàn thực phẩm đối với từng sản phẩm thực phẩm cụ thể thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ NNPTNT. Bộ KH&CN nghiên cứu tiếp thu để đề xuất bổ sung các nội dung nêu trên vào quy định trách nhiệm của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong dự thảo luật</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			ngày), hơn nữa sản phẩm vừa phải thực hiện việc kiểm định, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng SPHH vừa phải thực hiện việc kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo Luật An toàn vệ sinh lao động gây ra sự lãng phí và bất cập.	
22.	Bộ Tài chính	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1)	Tại Điều 68 và Điều 70 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP quy định chi tiết Luật quy định phân công trách nhiệm các Bộ, ngành quản lý chất lượng đối với từng hàng hóa nhóm 2 (Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn). Tuy nhiên, hiện nay, có Bộ không ban hành Danh mục hàng hóa nhóm 2 như Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế. Hàng hóa của 02 Bộ nêu trên như thực phẩm, thuốc, dược liệu, hàng hóa phục vụ quốc phòng... là hàng hóa nhóm 2 theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhưng được quản lý theo quy định của các Luật chuyên ngành khác. Do đó, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá tổng thể để xem xét việc loại trừ những hàng hóa không cần phải điều chỉnh bởi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Khoản 2 Điều 1 trong Đề cương đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 5 theo hướng quy định cụ thể hơn nguyên tắc xác định những sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 cần căn cứ trên khả năng gây mất an toàn có thể xảy ra của sản phẩm, hàng hóa (mức độ rủi ro) và yêu cầu, khả năng quản lý nhà nước trong từng thời kỳ. Căn cứ vào nội dung này các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sẽ xác định các sản phẩm, hàng hóa nào thuộc nhóm 2
23.	Bộ Tài chính	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách	Về tỷ lệ, mức độ chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu:	1. Theo Bộ KH&CN, việc quy định chứng nhận hợp quy/công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu theo

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
		1)	<p>- Quy định về tỉ lệ kiểm tra chất lượng, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu chưa phù hợp, quá mức cần thiết:</p> <p>Theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì việc đánh giá chất lượng của hàng hóa là việc kiểm tra hàng hóa có đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hay không, không phải là đánh giá, kiểm tra hàng hóa gắn với nhà nhập khẩu.</p> <p>Tuy nhiên hiện nay, theo quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật thì việc kiểm tra chất lượng hàng hóa gắn với nhà nhập khẩu. Theo đó, cùng một mặt hàng nhập khẩu giống nhau về chủng loại, nhà sản xuất, xuất xứ, kiểu dáng, model..., mỗi nhà nhập khẩu đều phải thực hiện thủ tục kiểm tra, thậm chí đa số hàng hóa phải thực hiện thủ tục chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy từng lần nhập khẩu, áp dụng đối với từng nhà nhập khẩu. Quy định kiểm tra chất lượng, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với từng lô hàng gắn với người nhập khẩu dẫn đến tỷ lệ kiểm tra cao, gây tốn kém chi phí và thời gian cho doanh nghiệp nhưng trong thực tế tỷ lệ phát hiện vi phạm lại rất thấp.</p> <p>- Chưa áp dụng miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã áp</p>	<p>hàng hóa, không phân biệt nhà nhập khẩu (theo đó, doanh nghiệp nhập khẩu được sử dụng kết quả chứng nhận hợp quy/công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng của lần nhập khẩu trước để được miễn, giảm kiểm tra, không phải kiểm tra từng lần nhập khẩu) là chưa phù hợp với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và thông lệ quốc tế, cụ thể:</p> <p>- Quy định này chưa phù hợp với pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và quy định của quốc tế. Lý do: theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì căn cứ để công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy. Phương thức đánh giá sự phù hợp được quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN bao gồm 08 phương thức và phù hợp với quy định tại tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17067. Theo đó, đối với các phương thức chứng nhận có đánh giá quá trình sản xuất thì giấy chứng nhận hợp quy có giá trị 03 năm và trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận hợp quy thì có hoạt động giám sát sau chứng nhận (không quá 12 tháng/lần). Trường hợp giấy chứng nhận hợp quy có giá trị 03 năm thì bản công bố hợp quy tương ứng cũng có giá trị 03 năm.</p> <p>- Đồng thời, doanh nghiệp nào nhập khẩu thì doanh nghiệp đó phải chịu trách nhiệm về chất lượng và ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa do</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực:</p> <p>Tại khoản 4 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực. Tuy nhiên, đến nay, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa triển khai quy định này dẫn đến nhiều hàng hóa của các thương hiệu lớn, được sản xuất từ các nước hoặc các cơ sở sản xuất áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến nhưng vẫn phải áp dụng chế độ kiểm tra như hàng hóa thông thường.</p> <p>Để giảm tỉ lệ kiểm tra đối với hàng hóa nhập khẩu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm thời gian thông quan nhưng vẫn đảm bảo quản lý nhà nước đối với chất lượng hàng hóa theo yêu cầu, chủ trương cải cách mạnh mẽ công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của Chính phủ, đề nghị bổ sung thống nhất quy định về việc áp dụng một cách đầy đủ, toàn diện nguyên tắc quản lý rủi ro trong kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu tại dự thảo Luật, cụ thể:</p> <p>- Quy định chứng nhận hợp quy/công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu theo hàng hóa, không phân biệt nhà nhập khẩu, theo đó, doanh nghiệp</p>	<p>minh nhập khẩu. Ngoài ra, không phù hợp theo nguyên tắc và thông lệ quốc tế, khi không đánh giá được điều kiện sản xuất và đảm bảo chất lượng của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa thì với một dòng sản phẩm được phân định ra thành nhiều lô hàng trong thực tế, chất lượng của các lô hàng khác nhau là khác nhau và không thể xem như có tính chất đồng nhất. Vì vậy, không thể gán lô hàng của doanh nghiệp này với lô hàng của doanh nghiệp khác.</p> <p>- Bên cạnh đó, việc cải cách đối với hàng hoá nhập khẩu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ là cần thiết, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu. Tuy nhiên, sẽ dẫn đến bất bình đẳng đối với hàng sản xuất trong nước, khi vẫn phải áp dụng các biện pháp quản lý chặt hơn hàng nhập khẩu. Điều này sẽ dẫn đến kim hãm sản xuất trong nước. Điều này chưa phù hợp với Hiệp định TBT/WTO (<i>Không được phân biệt đối xử giữa hàng sản xuất trong nước với hàng hoá nhập khẩu</i>).</p> <p>2. Khoản 4 Điều 27 Luật CLSPHH quy định: "<i>Việc miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực được thực hiện theo quy định của Bộ</i></p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>nhập khẩu được sử dụng kết quả chứng nhận hợp quy/công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng của lần nhập khẩu trước để được miễn, giảm kiểm tra, không phải kiểm tra từng lần nhập khẩu; Đánh giá mức độ rủi ro của hàng hóa và mức độ tuân thủ của doanh nghiệp để áp dụng biện pháp và mức độ kiểm tra phù hợp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra sau khi hàng hóa đã thông quan, trong quá trình lưu thông, sản xuất; - Các cơ quan quản lý nhà nước phối hợp, chia sẻ thông tin để đảm bảo quản lý chặt chẽ, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; - Thừa nhận chất lượng của những hàng hóa đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực để được áp dụng chế độ miễn kiểm tra theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 	<p><i>quản lý ngành, lĩnh vực</i>". Như vậy, việc miễn giảm này chỉ áp dụng trong các trường hợp cụ thể do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định, không quy định áp dụng chung cho tất cả các loại sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu nên ý kiến của Bộ Tài chính về việc chưa áp dụng miễn, giảm kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực viện dẫn quy định này là không phù hợp.</p> <p>Bên cạnh đó, điểm c khoản 2 Điều 36 quy định các Bộ, ngành quy định hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực để xác định hàng hóa được miễn kiểm tra. Việc áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực là quyền của doanh nghiệp. Do đó, tùy thuộc quy mô, loại hình kinh doanh, doanh nghiệp sẽ lựa chọn áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến phù hợp và khi đó cơ quan quản lý sẽ quyết định việc áp dụng miễn, giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa khi nhập khẩu. Vì vậy không thể quy định cụ thể nội dung này.</p>
24.	Bộ Công Thương	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Về hoạt động kiểm tra chuyên ngành <p>Việc sửa đổi Luật Chất lượng SPHH cần quy định rõ và thống nhất về một số thuật ngữ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ⊕ Kiểm tra chuyên ngành và kiểm tra nhà nước về chất lượng SPHH đối với hàng hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ chỉnh sửa, thống nhất sử dụng thuật ngữ "kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa"

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>xuất nhập khẩu: Cần thống nhất dùng một thuật ngữ để tránh hiểu nhầm hoạt động kiểm tra chuyên ngành là hoạt động tách rời. Ngay tại dự thảo Tờ trình, Quý Bộ đang sử dụng cả 2 thuật ngữ này (mục IV, 1 chính sách 1) để đề cập đến cùng một hoạt động. Trong khi đó, hệ thống Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa chỉ dùng khái niệm kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu. Đồng thời, cũng cần cân nhắc thống nhất khái niệm này với các thuật ngữ tương tự tại Luật khác như Luật Hải quan, Luật ATTP về cùng hoạt động này.</p> <p>+ Tiền kiểm và hậu kiểm: Hiện nay chưa có quy định chính thức về 02 khái niệm này. Tuy nhiên, trong các văn bản chỉ đạo điều hành, thuật ngữ tiền kiểm, hậu kiểm được sử dụng rất nhiều nhưng chưa có cách hiểu thống nhất. Bên cạnh đó, thuật ngữ này đôi lúc được hiểu như biện pháp trước thông quan và sau thông quan. Vì vậy, cần luật hóa các thuật ngữ này theo cách hiểu của thông lệ quốc tế. Ví dụ: hậu kiểm (post-market surveillance) là hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hóa sau khi lưu thông trên thị trường (không phải sau thông quan). Điều này cũng nhằm nội luật hóa cam kết tại hiệp định CPTPP liên quan đến khái niệm hậu kiểm.</p>	<p>- Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định hướng dẫn luật</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
25.	Tp.Hồ Chí Minh	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1)	<p>Tại Phần IV Mục 1.3 Giải pháp thực hiện (trang 20) đối với “Chính sách 1: Sửa đổi quy định về xác định SPHH có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chuyên ngành”, đề nghị bổ sung giải pháp thực hiện: Thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra, xử lý hàng hóa trên môi trường không gian mạng, tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong hoạt động mua sắm trực tuyến.”</p> <p>Lý do: mặc dù công tác kiểm tra, xử lý đã được các lực lượng chức năng triển khai thực hiện có hiệu quả, song vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong kiểm tra, xử lý hàng hóa trên môi trường không gian mạng. Vì vậy cần có giải pháp để kiểm soát tốt môi trường không gian mạng tránh gây thiệt hại cho người tiêu dùng và cho nền kinh tế. Trong bối cảnh ứng dụng thương mại điện tử gắn với tiên bộ công nghệ mới về thương mại điện tử trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cần đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc thanh kiểm tra, kiểm soát hoạt động lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.”</p>	Nghiên cứu tiếp thu
26.	Bộ Xây dựng	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 1)	Hiện nay các Bộ, ngành hiểu chưa thống nhất trong việc xác định SPHH nhóm 2 dẫn đến triển khai chưa sát với thực tế.	Tiếp thu, bổ sung ý này vào chính sách 1

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
27.	Tp.Hồ Chí Minh	Về các chính sách trong Mục IV (trang 19) về mở rộng cơ quan kiểm tra	<p>Tại Chương 6 Luật CLSPHH “Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa”, đề nghị xem xét bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực cụ thể.</p> <p>Lý do: Hiện nay, để bảo đảm chất lượng SPHH đề xuất xem xét bổ sung quy định mở rộng cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện nhiệm vụ liên quan đến chất lượng SPHH. Cụ thể, Ban Quản lý An toàn thực phẩm có chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn TP.HCM, trong đó có liên quan đến việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa là thực phẩm được sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, kinh doanh,... trên địa bàn. Do đó, văn bản quy phạm pháp luật cần mở rộng cơ quan quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa để bảo đảm việc thực thi pháp luật theo quy định.</p>	Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật
28.	Bộ Tư pháp	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 2)	Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất bổ sung nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch. Tuy nhiên, tên gọi của chính sách lại chính là nội dung sửa đổi, bổ sung là chưa hợp lý; nội dung chính sách, giải pháp chính sách chưa cụ thể nên đánh giá tác động chưa đầy đủ, đặc biệt là tác động đến đối tượng chịu sự tác động của văn bản là	Theo Bộ KH&CN, việc sửa đổi các chính sách hiện hành theo các biện pháp quản lý mới cũng cần phải được đánh giá cụ thể. Đồng thời, tại nội dung đánh giá tác động đã đánh giá tác động đến đối tượng là các tổ chức, cá nhân (bao hàm cả các tổ chức, cá nhân SXKD). Bộ KH&CN chỉnh sửa theo hướng là “Bổ sung nội dung về ứng dụng mã số mã vạch trong việc giám sát, quản lý

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
29.	Thừa Thiên Huế	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 2)	<p>các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.</p> <p>Đối với Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Đề cương chi tiết Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đề nghị nghiên cứu và xem xét một số nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 2. Chính sách 2: Bổ sung nội dung về quản lý chất lượng SPHH dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch: cần nêu thẩm quyền, vai trò của các cơ quan quản lý, cung cấp mã số, mã vạch vì nội dung này liên quan đến nhà sản xuất, bán lẻ, dịch vụ vận chuyển, cơ quan quản lý, người tiêu dùng. - Điểm b, tiểu mục 2.2.3. Giải pháp thực hiện của Mục 2. Chính sách 2: Bổ sung Điều 7b về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch là chưa phù hợp với quy định tại Điều 7 của Luật hiện hành; tương tự với Điểm b, tiểu mục 6.3, của Mục 6. Chính sách 6: Bổ sung nội dung quy định về Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI); - Nên xem xét lồng ghép nội dung về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch vào NQI qua đó thống nhất phân cấp và thẩm quyền quản lý. 	<p>chất lượng”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại mục 2.3 về giải pháp thực hiện đã đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, người bán hàng, người tiêu dùng, của cơ quan quản lý trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Bổ sung Điều 7a và 7b là độc lập với Điều 7 trong Luật CLSPHH. - Đề nghị bảo lưu, Bộ KH&CN nghiên cứu, lồng ghép nội dung về NQI trong việc triển khai các Hiệp định đã ký kết vì NQI và mã số, mã vạch là 2 có nội hàm khác nhau.
30.	Bộ Tư pháp	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách	Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất thay đổi cách thức quản lý các tổ chức đánh giá sự phù hợp cho phù hợp với thực tế và hội	Hiện nay, việc chỉ định tổ chức ĐGSPH được quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
		3)	<p>nhập quốc tế, theo đó tổ chức đánh giá sự phù hợp tự công bố năng lực phù hợp với điều kiện do cơ quan quản lý nhà nước quy định trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cơ quan quản lý nhà nước sẽ hậu kiểm. Nội dung chính sách đưa ra nhằm giải quyết việc hạn chế chông chéo về quản lý giữa các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, tránh trường hợp tổ chức ĐGSPH bị tiến hành đánh giá năng lực nhiều lần, gây tốn kém, lãng phí cho xã hội. Tuy nhiên, theo Luật CLSPHH thì sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được thực hiện ĐGSPH bởi các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định. Theo đó thì việc chỉ định sẽ hạn chế việc thực hiện đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2. Trong giải pháp thực hiện không rõ các tổ chức được chỉ định như thế nào. Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ hệ quả pháp lý sau hậu kiểm khi các tổ chức này không đảm bảo điều kiện.</p>	<p>154/2018/NĐ-CP. Theo quy định tại 02 Nghị định này thì các tổ chức ĐGSPH đáp ứng điều kiện sẽ được xem xét, chỉ định. Bộ KH&CN sẽ bổ sung nội dung này trong giải pháp thực hiện</p>
31.	Bộ Ngoại giao	Về các chính sách trong Mục IV (khoản 3.3)	<p>Cần nhắc thêm về việc sửa quy định tại điểm d khoản 5 Điều 25 và làm rõ cách thức sửa đổi do việc quy định điều kiện riêng đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp ở nước ngoài có khả năng trái với quy định của Hiệp định CPTPP. Điều 8.6 Hiệp định CPTPP quy định các nước phải dành cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ của nước thành viên khác sự đối</p>	<p>Tiếp thu, Bộ KH&CN đã nghiên cứu các quy định tại các Hiệp định đã ký kết nên sẽ đề xuất quy định theo đúng cam kết tại các Hiệp định</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp trên lãnh thổ của mình.	
32.	Bộ Giao thông vận tải	Về các chính sách trong Mục IV (chính sách 3) dự thảo Tờ trình liên quan tới quy định về tổ chức đánh giá sự phù hợp, cũng như tại mục 17 của Đề cương dự thảo sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 25	Đề nghị cân nhắc nghiên cứu bổ sung cơ chế để cho phép công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã hoạt động với lịch sử lâu dài, đã thực hiện công tác đánh giá sự phù hợp cho các sản phẩm trên toàn thế giới, đã được quốc tế thừa nhận vì sẽ xuất hiện trường hợp một số tổ chức không thể thực hiện thủ tục về hồ sơ công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp (ví dụ các tổ chức phân cấp quốc tế thuộc Hiệp hội các tổ chức phân cấp quốc tế (IACS) có thực hiện chứng nhận các sản phẩm, vật liệu và máy móc, phương tiện... hay như các Tổ chức được chỉ định của EU (các Notified Body) chứng nhận sản phẩm để gắn nhãn CE); các nhà sản xuất sản phẩm trên thế giới đã được đánh giá, chứng nhận bởi các tổ chức, vì vậy nên có cơ chế để được công nhận chất lượng hoặc có thủ tục đơn giản để kiểm tra chất lượng.	Nghiên cứu tiếp thu, việc thừa nhận thực hiện theo các Hiệp định đã ký kết
33.	Bộ Tư pháp	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 4)	Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất bổ sung quy định về vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cho lực lượng kiểm soát viên chất lượng, chế độ chính sách cho lực lượng này. Một trong các giải pháp cơ quan chủ trì soạn thảo đưa ra là bổ sung thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính cho kiểm soát viên chất lượng. Tuy nhiên,	Bộ KH&CN nghiên cứu, tiếp thu theo hướng đề nghị giao Chính phủ quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho kiểm soát viên chất lượng. Nội dung này sửa đổi các nội dung đã quy định trong luật, nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của kiểm soát viên chất lượng, không lồng ghép các quy định về tổ chức

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>khoản 1 Điều 4 Luật XLVPHC giao Chính phủ quy định. Hành vi vi phạm hành chính, hành vi về vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính: việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực QLNN. Hiện nay, các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Vì vậy, đề nghị không đưa nội dung này vào dự thảo Luật này.</p> <p>Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy HCNN tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả quy định: “Không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước; trường hợp cần thiết thì phải có quy trình thẩm định, thẩm tra, đánh giá tác động chặt chẽ để Quốc hội, Ủy ban TVQH có cơ sở xem xét, quyết định”. Đề</p>	bộ máy, biên chế

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ sự phù hợp của nội dung chính sách với chủ trương nêu trên.	
34.	Bộ Tư pháp	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 5)	Chính sách có tên “Thực hiện cam kết trong Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP”. Tuy nhiên, Bộ TP cho rằng, cần làm rõ những cam kết tại các Hiệp định nêu trên để xác định các chính sách cụ thể. Đề nghị xác định lại tên gọi chính sách này cho phù hợp. Bên cạnh đó, nội dung chính sách và giải pháp thực hiện chính sách còn chung chung. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung cam kết của VN tại các Hiệp định có liên quan và nghiên cứu, đề xuất giải pháp cụ thể mà không chung chung như hiện nay.	Nghiên cứu tiếp thu, Bộ KH&CN sẽ rà soát lại
35.	Bộ Tư pháp	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 6)	Bổ sung nội dung quy định về Hạ tầng chất lượng quốc gia. Đây là vấn đề mới nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội hàm của “Hạ tầng chất lượng quốc gia” để từ đó nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp	Nghiên cứu tiếp thu, sẽ làm rõ hơn trong báo cáo đánh giá tác động
36.	Bộ Tư pháp	Về các chính sách trong Mục IV (Chính sách 7)	Chính sách 7 là sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan khác tại Luật CLSPHH để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và thông lệ quốc tế. Trường hợp sửa đổi, bổ sung không phát sinh chính sách mới thì đề nghị bỏ chính sách này.	Theo Bộ KH&CN, việc sửa đổi các chính sách hiện hành theo các biện pháp quản lý mới cũng cần phải được đánh giá cụ thể.
37.	Bộ Xây dựng	Về các chính sách trong Mục IV (trang 27) về phân công	Về trách nhiệm quản lý của Bộ, ngành: đề nghị cần quy định rõ, khi có sản phẩm, lĩnh vực có sự giao thoa giữa các Bộ, ngành cần đưa ra cơ chế phối hợp và cần quy định đơn	Khoản 5 Điều 32 Nghị định 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP đã quy định “trong trường hợp có sự chồng chéo, trùng lặp về lĩnh vực

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
		trách nhiệm quản lý nhà nước	vị nào chịu trách nhiệm.	được phân công giữa các bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoặc xuất hiện các lĩnh vực mới theo quy định tại khoản 2, khoản 3 điều này, Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Do đó, Bộ KH&CN nghiên cứu, tiếp thu nội dung nêu trên trong quá trình xây dựng luật
38.	Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam	Về các chính sách trong Mục IV (trang 27) về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước	Trong việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về CLHH xuất nhập khẩu, lưu thông không có quy định giao Bộ Tài chính, nhưng Bộ Tài chính vẫn đang xây dựng đề án giao Tổng cục Hải quan thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành về CLHH nhập khẩu.	Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Bộ KH&CN tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng kiến nghị nêu trên
39.	Bộ Công Thương	Về các chính sách trong Mục IV (trang 28) về thương mại điện tử	Tại dự thảo có nội dung “d) bổ sung quy định về quản lý chất lượng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử”. Về cơ bản, Bộ Công Thương nhất trí với chính sách này và đề xuất tiếp tục rà soát, nghiên cứu để bổ sung quy định một cách phù hợp. Về nguyên tắc, thương mại điện tử chỉ là phương thức để kinh doanh sản phẩm, hàng hóa. Trong khi đó, quản lý chất	Nghiên cứu tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>lượng sản phẩm, hàng hóa cần thực hiện theo các quy định của Luật chuyên ngành. Hoạt động quản lý chất lượng SPHH trên môi trường điện tử bản chất là quản lý thông tin đăng tải /hiện thị về các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa và quy định về trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến hoạt động đăng tải thông tin sản phẩm, hàng hóa đó. Do đó, đề nghị chính sách cần cụ thể hóa nội dung, tập trung các vấn đề liên quan đến việc quản lý thông tin về các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa trên không gian mạng.</p> <p>Để tránh chồng chéo và đảm bảo thống nhất quy định pháp luật về quản lý nhà nước trên không gian mạng, đề nghị Quý Bộ rà soát với quy định tại Luật sửa đổi Luật Bảo vệ người tiêu dùng và dự án Luật Giao dịch điện tử đang trình Quốc hội.</p>	
40.	Bộ Tài chính, Hưng Yên	Điểm e khoản 1.7 Mục I và điểm d khoản 7.3 mục IV	<p>Đề nghị thống nhất về nội dung bỏ quy định về lệ phí</p> <p>Cụ thể: Tại mục I.1.7.e nêu "...cần nghiên cứu bỏ quy định về lệ phí tại Điều 37 và Điều 44 Luật CLSPHH để thống nhất với Luật Phí và lệ phí.". Nhưng tại mục IV.7.3.d lại chỉ đề cập đến "...bãi bỏ nội dung "Trả chi phí, lệ phí phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 37"...". Trong dự thảo Đề cương chi tiết (Khoản 26 Điều 1) cũng chỉ đề cập đến sửa đổi, bổ sung Điều 37.</p>	Nghiên cứu tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>Tại Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí không quy định lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Theo đó, tại khoản 26 Điều 1 dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Luật quy định bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 37 để thống nhất với Luật Phí và lệ phí. Qua rà soát, tại khoản 15 Điều 12, khoản 7 Điều 19 và Điều 44 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa vẫn còn quy định về lệ phí kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Do đó, đề nghị bổ sung quy định bãi bỏ các khoản 15 Điều 12, khoản 7 Điều 19 và Điều 44 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại dự thảo Luật.</p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu</p>
		<p>Điểm e khoản 1.7 Mục I</p>	<p>Về quy định liên quan đến phí, lệ phí tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đề nghị bổ sung nội dung quy định về lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp với Thông tư số 183/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>	<p>Nội dung về lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa đã được quy định tại pháp luật về phí và lệ phí thì sẽ không cần thiết bổ sung trong Luật CLSPHH</p>
		<p>Điểm d khoản 7.3 mục IV</p>	<p>Đề nghị viết rõ hơn về “chi phí chứng nhận” trong nội dung: “Đồng thời, bổ sung quy định người nhập khẩu có nghĩa vụ trả chi phí chứng nhận theo quy định tại Điều 58 của Luật này để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.” Lý do: Điều 58 của Luật CLSPHH chỉ đề cập đến “...chi phí lấy mẫu và thử nghiệm hoặc giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa tranh chấp cho người khiếu nại, khởi kiện”.</p>	<p>Chi phí chứng nhận là chi phí trả cho tổ chức chứng nhận thực hiện chứng nhận hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm. Nghiên cứu tiếp thu theo hướng không bổ sung hoạt động chứng nhận để giải quyết khiếu nại, khởi kiện</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>Đối với quy định về xử lý vi phạm hành chính, việc xử lý vi phạm hành chính bao gồm quy định về xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính được quy định theo hệ thống Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, để bảo đảm thống nhất giữa các luật, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, bỏ các nội dung liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính tại hồ sơ dự thảo Luật (khoản 27, khoản 29, khoản 31, khoản 33 Điều 1)</p>	Tiếp thu
41.	Bộ Ngoại giao	Phụ lục V	<p>Cần nhắc xây dựng một bảng riêng, chi đánh giá tính tương thích của Luật CLSPHH với các FTA. Hiện nay, Phụ lục đang đánh giá tính tương thích của các FTA với một loạt văn bản Luật như Luật CLSPHH, Luật TCQCKT và các văn bản quy định chi tiết các luật này rà soát, cần nhắc sự cần thiết.</p>	Tiếp thu
42.	Vĩnh Long, Kiên Giang, An Giang (03 cơ quan)	Rà soát lỗi kỹ thuật, cụm từ viết tắt, sử dụng cụm từ, rà soát dự thảo	<p>- Tại trang 1 Mục I Dự thảo Tờ trình, có đoạn: “Các VBQPPL ..., tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý chất lượng SPHH”. Đề nghị sửa lại là: “Các văn bản quy phạm pháp luật..., tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa”. Lý do: lỗi kỹ thuật.</p> <p>- Đề nghị rà soát các cụm từ đã viết tắt và thống nhất trong toàn bộ nội dung văn bản như: Mã số mã vạch (MSMV), Luật Chất</p>	Tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>lượng sản phẩm, hàng hoá (Luật CLSPHH), Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG),....</p> <p>- Các phần nội dung hồ sơ: Đề nghị thay đổi cụm từ “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa” thành cụm từ “Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa”.</p> <p>- Đối với các dự thảo còn lại, đề nghị Ban soạn thảo rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với dự thảo Tờ trình đã góp ý.</p>	
III	Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách			
1.	Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam		Nhất trí	Nhất trí
2.	Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ		Nhất trí	Nhất trí
3.	An Giang	Tên báo cáo	Tên báo cáo đề nghị thực hiện theo mẫu số 01, phụ lục V, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Tiếp thu
4.	Bình Định	Đề xuất lựa chọn Phương án	Trên cơ sở Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện, thống nhất với đề xuất lựa chọn Phương án 2 của	Nhất trí

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			Bộ Khoa học và Công nghệ vì đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với thực tế, thông lệ quốc tế, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa,...	
5.	Bộ Tư pháp	Đề nghị xây dựng Luật đánh giá đầy đủ, chi tiết hơn tác động của chính sách	Đề nghị cơ quan lập Đề nghị xây dựng Luật đánh giá đầy đủ, chi tiết hơn tác động của chính sách theo đúng các nội dung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Theo đó, cơ quan lập Đề nghị xây dựng Luật cần làm rõ nội hàm từng chính sách, nghiên cứu đưa thêm các phương án trong từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm từng phương án để đảm bảo tính khách quan trong việc lựa chọn phương án phù hợp. Mỗi chính sách đề nghị cần phải đảm bảo đủ 05 nội dung chính, gồm: (i) Xác định vấn đề bất cập, (ii) Mục tiêu giải quyết vấn đề: (iii) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: (v) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan và (v) Kiến nghị giải pháp lựa chọn. Việc đánh giá tác động chính sách cần dựa trên các khía cạnh đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội, về	Tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			giới, về TTHC, về hệ thống pháp luật. Ngoài ra, cơ quan lập đề nghị xây dựng luật cần làm rõ nội hàm của từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm của từng phương án để lựa chọn được phương án tối ưu.	
6.	Bộ VHTTDL, Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam (02 cơ quan)	Phần 1. Bối cảnh xây dựng chính sách	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát lại nội dung phần “1. Xác định vấn đề bất cập tổng quan” (phần này có nhiều nội dung trùng lặp với Báo cáo tổng kết thi hành Luật). Cần tập trung vào tìm một chính sách và phân tích đánh giá tác động của từng chính sách một cách sâu sắc, rõ ràng hơn. - Đề nghị chỉnh sửa nội dung của Phần 1. Bối cảnh xây dựng chính sách theo hướng không nêu lặp lại những vướng mắc, bất cập của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phần này vì tại Phần II. Đánh giá tác động chính sách đã nêu nội dung này (nội dung những vướng mắc, bất cập của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng trùng lặp với nội dung tại dự thảo Tờ trình) 	Nghiên cứu tiếp thu
7.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bà Rịa - Vũng Tàu (03 cơ quan)	Chính sách 1	- Đề nghị đánh giá cụ thể và phương hướng xử lý đối với sản phẩm hàng hóa nhóm 2 có yêu cầu đặc thù về quá trình sản xuất do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để quản lý tránh lồng ghép, quy định các điều kiện kinh doanh trong các quy chuẩn kỹ thuật.	- Nghiên cứu tiếp thu
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại	Chính sách 1	- Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 đang quy định thẩm quyền ban hành danh mục hàng hóa nhóm 2 thuộc	- Nội dung này đã được Bộ KH&CN đánh giá tác động và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
	doanh nghiệp, Bà Rịa - Vũng Tàu (03 cơ quan)		<p>về các Bộ. Danh mục này rất quan trọng đối với các doanh nghiệp vì nó ảnh hưởng đến quyền kinh doanh tự do của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng các danh mục hàng hóa nhóm 2 của các Bộ có sự giao thoa, chồng chéo khiến cho cùng một mặt hàng của doanh nghiệp phải chịu sự quản lý của nhiều Bộ, phải thực hiện nhiều lần kiểm tra. Đồng thời, Báo cáo tổng kết thi hành Luật CLSPHH cũng chỉ ra tình trạng nhiều hàng hóa được đưa vào danh mục nhóm 2 nhưng không có mã hồ sơ đi kèm, không có quy chuẩn kiểm tra. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, có biện pháp kiểm soát danh mục hàng hóa nhóm 2 một cách chặt chẽ, nhằm nâng cao chất lượng của quy định, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí không cần thiết trong việc kiểm tra trùng lặp.</p> <p>- Đề nghị Bộ KHCN xem xét, sửa đổi bổ sung đối với chính sách 1: “<i>Sửa đổi quy định về xác định sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chuyên ngành</i>”, cụ thể: trong hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng SPHH khi nhập khẩu, đề nghị giao cơ quan hải quan tại cửa khẩu chủ động thực hiện việc kiểm tra nhà nước và xác nhận cho người đăng ký nhập khẩu được thông quan trên cơ sở người nhập khẩu cung cấp đầy đủ hồ sơ về SPHH</p>	<p>- Tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Đề cương chi tiết dự thảo luật đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định mở rộng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tùy theo tình hình thực tiễn như ủy quyền cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoặc quy định doanh nghiệp thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp theo quy định, cung cấp kết quả đánh giá sự phù hợp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bỏ khâu đăng ký trung gian để tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp</p>

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			nhập khẩu để giảm thiểu TTHC cho người nhập khẩu, giảm chi phí lưu giữ tại cảng/cửa khẩu cho doanh nghiệp; đồng thời bổ sung quy định căn cứ vào khả năng gây mất an toàn của hàng hoá để áp dụng biện pháp kiểm tra nhà nước theo hình thức hậu kiểm (thông qua việc kiểm tra chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy trước khi lưu thông hàng hóa trong nước theo quy định).	
8.	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Chính sách 2	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc tên gọi và nội dung của chính sách cho phù hợp thống nhất	Tiếp thu
9.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Chính sách 4	Về bổ sung thêm vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cho lực lượng kiểm soát viên chất lượng, đặc biệt là chế độ, chính sách cho lực lượng này và thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính: đề nghị làm rõ tác động chính sách của việc quy định thêm vị trí và thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của kiểm soát viên chất lượng tại các bộ ngành (có bắt buộc phải có riêng đội ngũ kiểm soát viên chất lượng SPHH tại mỗi bộ, ngành; căn cứ bổ sung thẩm quyền xử lý VPHC cho kiểm soát viên chất lượng)	Nội dung này đã được Bộ KH&CN đánh giá tác động, nêu rõ những tác động tiêu cực, tích cực khi bổ sung thêm vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cho lực lượng kiểm soát viên chất lượng
10.	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Chính sách 5	Đề nghị nghiên cứu cân nhắc tên gọi của chính sách để đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với nội dung, đồng thời nghiên cứu làm rõ những cam kết tại các Hiệp định CPTPP, EVFTA, RCEP để xây dựng các chính sách và giải pháp cụ thể.	Tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
11.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Chính sách 7 (Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước)	Đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể, thống nhất về trách nhiệm thực hiện việc quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất và trách nhiệm xây dựng, ban hành QCVN đối với mỗi bộ, ngành	Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình xây dựng luật
12.	Bộ Tư pháp, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Cần Thơ, Ninh Bình <i>(04 cơ quan)</i>	Rà soát dự thảo báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị rà soát dự thảo Báo cáo, đảm bảo đúng mẫu Báo cáo đánh giá tác động chính sách (mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2010/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). - Đề nghị điều chỉnh cho phù hợp với Đề cương chi tiết dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH. - Cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ nội hàm từng chính sách, phân tích ưu, nhược điểm từng phương án để đảm bảo tính khách quan trọng việc lựa chọn phương án phù hợp. Việc đánh giá tác động chính sách cần dựa trên các khía cạnh đánh giá tác động về kinh tế, về xã hội, về giới, về TTHC, về hệ thống pháp luật. Các nội dung chính sách, giải pháp thực hiện chính sách cần cụ thể và được đánh giá toàn diện hơn, bao gồm tác động tích cực và tiêu cực đối với nhà nước (tổ chức, bộ máy, con người, ngân sách cho việc thực hiện nhiệm vụ). - Tại trang 16, trang 22 và trang 23, Có dùng cụm từ “nhạc trưởng”, đề nghị BST nghiên cứu, không sử dụng cụm từ này vì không phù hợp với văn phạm QLNN 	Tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			- Tại mục II. Đánh giá tác động chính sách, ở phần 7 chính sách, Nội dung “Giải pháp giải quyết vấn đề”, đề nghị đổi cụm từ “Giải pháp” thành “Phương án” vì các nội dung sau đó đều thể hiện là phương án.	
13.	Ninh Bình	Thống nhất sử dụng thời gian ban hành Luật	Cần thống nhất sử dụng thời gian ban hành Luật vì trong dự thảo tờ trình thì sử dụng thời gian “hơn 14 năm triển khai”, trong dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách thì sử dụng “hơn 15 năm triển khai” và trong dự thảo báo cáo tổng kết thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì sử dụng “qua 15 năm triển khai”, thực tế Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã có hiệu lực từ ngày 01/07/2008	Tiếp thu
IV	Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành luật			
1.	Hiệp hội doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam		Nhất trí	Nhất trí
2.	Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ		Nhất trí	Nhất trí
3.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Rà soát, thống nhất một số nội dung trong báo cáo tổng kết thi hành luật với báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.	Tiếp thu
4.	Hội KH&KT về Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam		Đề nghị xem xét thêm nội dung “III. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật, chính sách của các quốc gia trên thế giới trong bối cảnh hội nhập quốc tế về hiện nay”. Nội dung này nên đưa vào trong Tờ	Nghiên cứu tiếp thu

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			trình, phân tích bất cập trong quy định của Luật CLSPHH của Việt Nam với luật tương ứng của các nước để thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Luật CLSPHI	
5.	Bộ Xây dựng	Công tác kiểm tra	Cần làm rõ cơ quan kiểm tra chuyên ngành tại địa phương và Trung ương đối với từng lĩnh vực được phân công và sự phối hợp giữa các cơ quan này. Cơ quan kiểm tra ở địa phương nơi có hàng hóa nhập khẩu nên được giao kiểm tra cũng như xác nhận miễn giảm kiểm tra chuyên ngành thay vì hiện nay đang có sự chưa rõ ràng giữa cơ quan kiểm tra nơi doanh nghiệp nhập khẩu và cơ quan kiểm tra nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh.	Theo Bộ KH&CN, cơ quan kiểm tra chuyên ngành tại Trung ương và địa phương do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và UBND cấp tỉnh quy định
6.	Hà Nam	Công tác thanh, kiểm tra	Trong những qua, các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh đã bám sát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và tình hình thực tiễn của địa phương, thực hiện tốt công tác thanh, kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; trong đó Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thanh, kiểm tra đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN. Trong quá trình thanh, kiểm tra, các Sở, ngành đã lồng ghép việc tuyên truyền các quy định của pháp luật liên quan đến chất lượng, sản phẩm hàng hóa, qua đó giúp các doanh nghiệp nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật, góp phần hạn chế tình trạng hàng kém chất lượng, gây mất an toàn lưu thông trên	Nghiên cứu tiếp thu để bổ sung vào báo cáo

STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Điều khoản	Nội dung góp ý cụ thể	Nội dung giải trình, tiếp thu
			<p>thị trường. Tuy nhiên, trong công tác thanh, kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có một số khó khăn, vướng mắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số sản phẩm chịu sự quản lý của nhiều bộ, ngành, phải áp dụng nhiều biện pháp kiểm tra chuyên ngành dẫn đến còn có sự chồng chéo trong hoạt động kiểm tra. - Trang thiết bị để kiểm tra chất lượng đối với các sản phẩm hàng hóa như: vàng, xăng dầu... chưa đầy đủ nên việc phát hiện những sản phẩm có chất lượng thấp hơn so với quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn công bố gặp nhiều khó khăn. - Quy định về Đoàn kiểm tra và Kiểm soát viên chất lượng gây khó khăn cho công tác kiểm tra chất lượng SPHH (do quy định ít nhất 50% số thành viên tham gia Đoàn là kiểm soát viên chất lượng được bổ nhiệm vào ngạch kiểm soát viên chất lượng). - Theo Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ ở địa phương là Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Hiện nay, thực hiện quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, tỉnh Hà Nam đã giải thể Chi cục và thành lập Phòng quản lý TCĐLCL và Thanh tra. 	
7.	Bình Dương	Về giải thưởng chất lượng	Tại trang 12, mục 2.7 - Về Giải thưởng Chất lượng quốc gia: đề nghị bổ sung nội dung kết quả đánh giá của hoạt động giải	Dự thảo báo cáo chỉ đề cập đến những khó khăn, vướng mắc liên quan đến GTCLQG và đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung về